TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2017/HNGĐ-ST
Ngày 12-9-2017.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ái Hòa;

2. Bà Lê Thị Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Số 012, Xóm 3, Thôn 5, xã BH, huyện KA, tỉnh Đắk Lắk. "Có mặt".

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Út L, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp PT, xã PC, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. "Có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị T trình bày:

Chị và anh L chung sống với nhau vào ngày 03- 9-2011, có đăng ký hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 118/2011 ngày 25-11-2011 tại Ủy ban nhân dân xã PC, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

Chị và anh L chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do bất đồng tư tưởng trong sinh hoạt kinh tế gia đình, anh L nghi

ngờ lòng chung thủy của chị, không cho chị về thăm gia đình, bị hạn chế các mối quan hệ với người thân và bạn bè, không được giao lưu, tiếp xúc với bên ngoài và bị bạo hành về thể chất, bất đồng nhau trong cách xử sự, vợ chồng thường gây gỗ nhau. Đến khi chị T mang thai cháu C thì về nhà ở Đắk Lắk để sinh con vào ngày 24-10-2014. Lúc đầu anh L có gửi tiền để chị nuôi con, trung bình mỗi tháng từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Từ tháng 3 năm 2015 đến nay anh L không liên lạc, hỏi thăm và cấp dưỡng nuôi con. Anh L chỉ thăm nom con hai lần vào tháng 11 năm 2014 và tháng và tháng 3 năm 2015. Vợ chồng ly thân từ tháng 3 năm 2015 đến nay.

Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, vì vậy chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung là cháu A, sinh ngày 12-02-2012 và cháu C, sinh ngày 24-10-2014, hiện tại cả hai cháu A và C sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và C. Không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh L trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn.

Về nguyên nhân mâu thuẫn anh L cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 12-2016, nguyên nhân do anh bị bắt đi tù ngày 02-4-2016 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" đến tháng 10-2016 thì chấp hành xong hình phạt, thời gian này anh không gửi tiền về cho chị T nuôi con nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng ly thân từ tháng 4 năm 2016.

Trước đó, hàng tháng anh vẫn gửi tiền về cho chị T nuôi con mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng, anh còn giữ giấy chuyển tiền qua ngân hàng để chứng minh.

Anh và chị T có gây gỗ nhưng không có đánh nhau.

Anh không đồng ý ly hôn với chị T. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cháu A, sinh ngày 12-02-2012, đồng ý giao cháu C, sinh ngày 24-10-2014 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực

hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T đối với anh L.

Về con chung: Giao hai cháu A, sinh ngày 12-02-2012 C, sinh ngày 24-10-2014 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh L vắng mặt được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh L chung sống với nhau vào ngày 03- 9-2011, có đăng ký hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã PC, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống, mất lòng tin với nhau nên dẫn đến mâu thuẫn. Khi chị T mang thai cháu C, chị T đã mang theo cháu A bỏ về nhà cha mẹ đẻ tại xã BH, huyện KA, tỉnh Đắk Lắk để sinh con. Anh L không thường xuyên đến thăm các con mà chỉ gửi tiền để chị T chăm sóc các con. Vợ chồng ly thân từ tháng 3 năm 2015 đến nay nhưng cả hai không có thành ý hàn gắn, hòa giải để đoàn tụ.

Xét thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị T và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh L.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay, chị T yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu A, sinh ngày 12-02-2012 và cháu C, sinh ngày 24-10-2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L yêu cầu được nuôi cháu A, sinh ngày 12-02-2012, đồng ý giao cháu C, sinh ngày 24-10-2014 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, chị T đang có nghề nghiệp ổn định, các cháu A, C cần phải có sự trông nom, chăm sóc của cha mẹ. Việc giao con cho ai nuôi phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên, cháu A mới được hơn 5 tuổi, anh L hiện tại

đang đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh, ở trọ một mình, có cha mẹ già yếu sống tại Tây Ninh, một tuần mới về thăm cha mẹ được một lần, nếu giao cháu A cho anh L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục không đủ điều kiện để đảm bảo tốt về mọi mặt cho sự phát triển của cháu A.

Mặt khác, cả hai cháu A và C hiện đang do chị T nuôi dưỡng, chị T có khả năng đảm bảo tốt về mọi mặt cho sự phát triển của hai cháu. Cháu C chưa đủ 36 tháng tuổi, tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".

Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu A, sinh ngày 12-02-2012 và cháu C, sinh ngày 24-10-2014 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó chị T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ngọc T đối với anh Nguyễn Văn Út L.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu A, sinh ngày 12-02-2012 và cháu C, sinh ngày 24-10-2014 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là

300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0008932 ngày 07-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- UBND xã PC;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Nghện